

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **06** /TTr-HĐND

Cà Mau, ngày **21** tháng 6 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**Về ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Thực hiện Công văn số 11/HĐND-TT ngày 17/01/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Ngày 08 tháng 12 năm 2016, HĐND tỉnh Cà Mau Khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, để tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa phương và quy định của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội như:

chính sách về tiền lương, hoạt động phí, các điều kiện đảm bảo hoạt động cho đại biểu và các chế độ hỗ trợ khác trong hoạt động, như: Hỗ trợ cho các chức danh kiêm nhiệm của HĐND, bồi dưỡng, soạn thảo văn bản, chi hội nghị, chi công tác xã hội... trên cơ sở kế thừa những ưu điểm từ các chế độ, chính sách được ban hành trước đây và điều kiện thực tế của tỉnh. Nghị quyết được triển khai thực hiện ngay từ đầu nhiệm kỳ, đã động viên tinh thần, trách nhiệm của đại biểu, tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu tham gia các hoạt động của HĐND, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trong thời gian qua.

Qua hơn 05 năm thực hiện, trên cơ sở giám sát thực tế tình hình thực hiện Nghị quyết và báo cáo của Thường trực HĐND các huyện, thành phố cho thấy: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai, quán triệt và nghiêm túc thực hiện các chế độ, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho HĐND, Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND hoạt động, từ đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021; việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đúng quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: văn bản nguồn làm căn cứ quy định một số chế độ không còn phù hợp, đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung bởi văn bản khác<sup>1</sup>; một số chế độ, mức chi chưa phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động<sup>2</sup>; một số mức chi còn thấp<sup>3</sup>, cần phải nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung,...

Do đó, để hoàn thiện các chế độ, chính sách đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở kế thừa những ưu điểm, khắc phục những khó khăn, hạn chế; điều chỉnh, bổ sung một số nội dung, định mức chi không phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện tình hình thực tế của tỉnh, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới, thay thế Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND là phù hợp, cần thiết, đúng thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho HĐND, Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND các cấp hoạt động theo quy định; đồng thời làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong thời kỳ ổn định ngân sách.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh nhằm tạo điều kiện cho hoạt động của đại biểu HĐND, các cơ quan dân cử được thực hiện đồng bộ, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, thống nhất trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động của HĐND các cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện ngân sách của địa phương.

<sup>1</sup> Phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch HĐND: chế độ công tác phí...

<sup>2</sup> Khoán phương tiện tự túc...

<sup>3</sup> Chi tiền ăn: hỗ trợ điếm giám sát; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ...

## **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản có liên quan.

Tập trung khắc phục những khó khăn, vướng mắc và kế thừa những tích cực, ưu điểm của Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND, đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

Điều chỉnh các chế độ, chính sách, nội dung chưa phù hợp và ban hành các chế độ, chính sách mới, hỗ trợ hoạt động của đại biểu HĐND nhằm động viên tinh thần, ý thức, trách nhiệm của đại biểu dân cử, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng chính sách phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; tăng quyền hạn, trách nhiệm, tính chủ động của các địa phương trong bố trí dự toán ngân sách để đảm bảo thực hiện hoạt động của HĐND, Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND các cấp.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở Tờ trình số 01/TTr-HĐND ngày 07/01/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng nghị quyết, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 11/HĐND-TT ngày 17/01/2022 phân công Ban Kinh tế - Ngân sách chủ trì xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh. Ngày 08/02/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thành lập Tổ soạn thảo để triển khai, xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Tổ soạn thảo tiến hành xây dựng dự thảo nghị quyết, có Công văn số 04/TST ngày 22/4/2022 thực hiện lấy ý kiến đóng góp các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cá nhân, đơn vị có liên quan, đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh thời gian 30 ngày theo quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Sau khi lấy ý kiến đóng góp, Tổ soạn thảo có Báo cáo số 06/BC-TST ngày 30/5/2022 tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp và chính lý dự thảo nghị quyết, báo cáo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh. Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ban Kinh tế - Ngân sách gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết xin ý kiến đóng góp của UBND tỉnh, được UBND tỉnh trả lời bằng văn bản tại Công văn số 3555/UBND-KT ngày 10/6/2022; qua đó, Ban Kinh tế - Ngân sách có Báo cáo số 52/BC-HĐND ngày 14/6/2022 tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của UBND tỉnh.

Qua lấy ý kiến đóng góp của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng số có 23 đơn vị góp ý bằng văn bản, với 68 ý kiến. Trong đó, Ban tiếp

thu 24 ý kiến<sup>4</sup> và giải trình đối với 44 ý kiến<sup>5</sup>; về việc lựa chọn các phương án tại Điều 4 và từ Điều 5 đến Điều 21 của Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất lựa chọn phương án 1<sup>6</sup>. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp và sự thống nhất của các thành viên, Ban Kinh tế - Ngân sách hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết, trình xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh.

Ngày 20/6/2022, Thường trực HĐND tỉnh họp xem xét, cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Sau khi trao đổi, thảo luận, Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất nội dung dự thảo nghị quyết; tuy nhiên, về việc lựa chọn phương án quy định mức chi từ Điều 5 đến Điều 21 của Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, 04/04 thành viên Thường trực có mặt thống nhất lựa chọn phương án 3<sup>7</sup>, đề nghị Ban Kinh tế - Ngân sách tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, gửi Ban Pháp chế HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh<sup>8</sup>.

Đến nay, dự thảo nghị quyết đã hoàn chỉnh và đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục**

Dự thảo nghị quyết gồm có 04 điều:

- Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Điều 2: Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, quyết định từng định mức chi cụ thể cho cấp mình. Các mức chi của cấp huyện và cấp xã không quá mức chi của cấp tỉnh.

<sup>4</sup> Một số ý kiến tiếp thu: Tên dự thảo nghị quyết; cách thể hiện phần căn cứ; bổ sung chi trường hợp đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri chung với đại biểu Quốc hội; chi cho các đối tượng được trung tập tiếp công dân; bỏ đối tượng công chức, người lao động tại một số nội dung chi; quy định số lần hỗ trợ trong năm đối với chi chính sách xã hội...

<sup>5</sup> Một số ý kiến giải trình: Quy trình, thủ tục xây dựng dự thảo nghị quyết; chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu tiếp công dân; chi tiền ăn và phòng nghỉ cho lái xe phục vụ đại biểu HĐND đi dự các cuộc hội, họp ở xa; quy định mức chi tiền đặt ăn tập trung cho các cấp bằng nhau; hỗ trợ kinh phí mời chuyên gia; hỗ trợ kinh phí tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm nước ngoài; chi hỗ trợ phương tiện khác (như xe ôm, đồ đạc...) và ăn sáng khi đại biểu giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri; hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác...

<sup>6</sup> Tại Điều 4, Phương án 1: Không nêu cụ thể nội dung và mức chi, chi dẫn chiếu quy định của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13.

Từ Điều 5 đến Điều 21, Phương án 1: Quy định nội dung và định mức chi cụ thể cho Hội đồng nhân dân các cấp.

<sup>7</sup> Phương án 3: Chi quy định nội dung và định mức chi cụ thể của cấp tỉnh. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã tùy tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định mức chi cụ thể cho cấp mình; trong đó, mức chi không quá mức chi của cấp tỉnh.

<sup>8</sup> Tại Công văn số Công văn số 99/HĐND-TT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân công thẩm tra văn bản trình Kỳ họp thứ Sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X.

- Điều 3: Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. UBND tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo đúng quy định.

- Điều 4: Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết có 21 Điều, gồm 03 Điều quy định chung và 18 Điều với 21 nội dung chi.

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND và bổ sung thêm một số nội dung, mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phục vụ hoạt động của HĐND các cấp. Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết gồm các nội dung chính như sau:

- Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 3).

- Chương II: Các chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND (từ Điều 4 đến Điều 21), cụ thể gồm:

+ Chế độ chính sách đối với đại biểu HĐND;

+ Chi hoạt động giám sát, khảo sát; thăm tra; tiếp xúc cử tri; tiếp công dân;

+ Chi các kỳ họp của HĐND; chi các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp; chi ăn, nước uống tại các kỳ họp, hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp;

+ Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của HĐND;

+ Hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí; hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ thông tin; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu tài liệu; hỗ trợ kinh phí đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm theo kế hoạch, đề án; chi công tác xã hội;

+ Khoản chi hỗ trợ đại biểu hoạt động theo chức danh; hoạt động phí của Tổ đại biểu HĐND; hỗ trợ phục vụ hoạt động HĐND; hỗ trợ chi soạn thảo văn bản.

*(Nội dung chi tiết theo dự thảo nghị quyết gửi kèm Tờ trình này).*

Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết gồm 21 nội dung chi; trong đó, có 17 nội dung chi được cụ thể hóa từ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 và 04 nội dung chi ngoài Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 (gồm: chi công tác xã hội; khoản chi hỗ trợ đại biểu hoạt động theo chức danh; khoản chi hỗ trợ phục vụ hoạt động HĐND; hỗ trợ chi soạn thảo văn bản).

So sánh với Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND, Quy định này bỏ 02 nội dung chi (gồm: phụ cấp kiêm nhiệm cho Chủ tịch HĐND tỉnh; hỗ trợ các chức danh hoạt động kiêm nhiệm của HĐND); bổ sung thêm 04 nội dung chi (gồm: trang bị thiết bị công nghệ thông tin; chi tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đại biểu, học tập, trao đổi kinh nghiệm theo kế hoạch, đề án; hỗ trợ đại biểu hoạt động theo chức

đanh; hỗ trợ phục vụ hoạt động HĐND). Trong đó, có 10 định mức chi tăng<sup>9</sup>, mức tăng dao động từ 20% đến 333% so với Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND; 07 định mức chi không thay đổi<sup>10</sup> và 04 định mức chi bổ sung.

Trên đây là Tờ trình về Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

*(Hồ sơ gửi kèm: (1) Dự thảo nghị quyết; (2) Báo cáo số 52/BC-HĐND ngày 14/6/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của UBND tỉnh; (3) Công văn số 3555/UBND-KT ngày 10/6/2022 về ý kiến đóng góp của UBND tỉnh; (4) Báo cáo số 06/BC-TST ngày 30/5/2022 của Tổ soạn thảo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp; (5) Các ý kiến đóng góp của các cá nhân, đơn vị có liên quan)./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, Hn

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Hồng Như Yên**

<sup>9</sup> Chi phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát: thăm tra; tiếp xúc cử tri; phục vụ các kỳ họp của HĐND; phục vụ các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp; chi phục vụ ăn, nước uống; hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin; hỗ trợ chi soạn thảo văn bản. Trong đó:

- Tăng từ 20-100%, như: Hỗ trợ điem giám sát (tăng 50%); chi đại biểu tham gia hoạt động giám sát, TXCT, các kỳ họp, các cuộc họp, họp (tăng 100%); chi ăn tại các cuộc hội, họp (tăng 50%); hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ (tăng 33%)...

- Tăng trên 100%, như: Hỗ trợ thêm cho đại biểu nữ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ (tăng 333%).

<sup>10</sup> Chế độ chính sách đối với đại biểu HĐND: chi phục vụ tiếp công dân; hỗ trợ công tác phí; may lễ phục; nghiên cứu tài liệu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu; hoạt động phí của Tổ đại biểu HĐND.

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2022

**DỰ THẢO LẦN 4**

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, quyết định từng định mức chi cụ thể cho cấp mình. Các mức chi của cấp huyện và cấp xã không quá mức chi của cấp tỉnh.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo đúng quy định.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày ... tháng 7 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Hải**



## QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp huyện); Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó chi, theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Hàng năm, căn cứ chế độ, định mức chi theo Nghị quyết này, cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí với ngân sách cùng cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng chế độ, định mức, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Hội đồng nhân dân đã được cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân cấp chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung nêu trên tại cơ quan, đơn vị công tác.

4. Các chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Các khoản chi chưa quy định chi tiết và giao Thường trực HĐND, căn cứ theo nội dung chi, mức chi đã được quy định chung, Thường trực HĐND các cấp quyết định mức chi cụ thể phù hợp với khả năng cân đối ngân sách để thực hiện ở từng cấp.

6. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

## **Chương II**

### **CÁC CHẾ ĐỘ, MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 4. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân**

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

#### **Điều 5. Chi hoạt động giám sát (giám sát chuyên đề, khảo sát)**

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức làm việc với đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh): 3.000.000 đồng/đơn vị (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

3. Căn cứ mức chi tại khoản 2 Điều này, đại biểu là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

4. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

5. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể,

không quá mức chi cấp tỉnh.

### **Điều 6. Chi hoạt động thẩm tra**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động thẩm tra

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Căn cứ mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ trì hội nghị được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

3. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra từng dự thảo nghị quyết

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

4. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

### **Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức tiếp xúc xử tri

a) Cấp tỉnh (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh): 3.000.000 đồng/đơn vị (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

d) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm thì Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp cao nhất chi hỗ trợ cho đơn vị tổ chức tiếp xúc xử tri theo mức chi quy định của cấp mình; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại không phải chi hỗ trợ tại điểm đó. Trường hợp đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, mức chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri theo quy định của Đoàn Đại biểu Quốc hội.

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri của từng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản (Ba trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp chung ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

### **Điều 8. Chi hoạt động tiếp công dân**

1. Chi cho cá nhân thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân (gồm: đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ sở, ban, ngành được trưng tập và công chức phục vụ)

Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về nội dung, mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chi xây dựng văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên giải quyết

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

### **Điều 9. Chi các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, thảo luận Tổ đại biểu trước Kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Căn cứ mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ tọa kỳ họp, Chủ trì phiên thảo luận Tổ được hưởng thêm 100% mức chi tương ứng và Thư ký được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày

nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi đối với các đơn vị phối hợp tổ chức, phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân của cấp mình.

4. Chi xây dựng biên bản thảo luận của từng Tổ đại biểu

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

5. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ đại biểu trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

6. Chi xây dựng báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

**Điều 10. Chi các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp của Đảng đoàn, Thường trực, các Ban và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Căn cứ mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ trì được hưởng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

**Điều 11. Chi ăn, nước uống tại các kỳ họp, hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp**

1. Mức chi đặt ăn tập trung cho cá nhân tham dự, phục vụ các kỳ họp, hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp

a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Cá nhân không ăn tập trung được thanh toán bằng tiền theo mức chi tiền ăn tập trung; cá nhân được bố trí ăn hoặc thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú.

3. Nước uống giữa buổi trong các kỳ họp, hội nghị, phiên họp, cuộc họp: Mức chi 20.000/người/buổi (Hai mươi nghìn đồng).

### **Điều 12. Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân**

1. Phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ

Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Khoản kinh phí sử dụng phương tiện tự túc: Đại biểu Hội đồng nhân dân ở xa, cách điểm tổ chức hoạt động của Hội đồng nhân dân từ 15 km trở lên, được khoán tiền tự túc phương tiện để thực hiện nhiệm vụ đại biểu bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác. Trường hợp Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân có bố trí phương tiện phục vụ thì không được khoán kinh phí sử dụng phương tiện tự túc.

### **Điều 13. Hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác**

1. Hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí cho đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Mức chi hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách cấp đó.

### **Điều 14. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức và người lao động Văn phòng**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, với mức hỗ trợ

a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm (Bốn triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Trong năm, mỗi công chức, người lao động Văn phòng được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ bằng 50% so với mức hỗ trợ theo cấp tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân là nữ được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người/năm (Một triệu đồng).

### **Điều 15. Hỗ trợ may lễ phục**

1. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ may lễ phục, như sau:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ (Năm triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi công chức, người lao động Văn phòng được hỗ trợ may lễ phục bằng 50% so với mức hỗ trợ theo cấp tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 16. Hỗ trợ đại biểu nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân**

1. Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng (Ba trăm nghìn đồng);

2. Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

### **Điều 17. Hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu**

1. Hỗ trợ kinh phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức và người lao động Văn phòng được mời đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Cấp tỉnh: Không quá 2.500.000 đồng/người/đợt (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Mức chi tổ chức cho đại biểu bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập, trao đổi kinh nghiệm theo kế hoạch, đề án liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách cấp đó.

### **Điều 18. Chi công tác xã hội**

1. Định mức chi công tác xã hội

a) Cấp tỉnh: Không quá 5.000.000 đồng/tổ chức/lượt (Năm triệu đồng) và không quá 3.000.000 đồng/cá nhân/lượt (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

2. Đối tượng chi công tác xã hội

a) Thăm các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội từ thiện, tôn giáo, dân tộc; lực lượng vũ trang; các gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người tàn tật không nơi nương tựa; nhân dân vùng biển, đảo;... các dịp lễ,

tết, ngày truyền thống, những sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương;

b) Thăm hỏi, hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng; cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau, các dịp lễ, tết, những sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương;

c) Viếng lễ tang của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng; cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng.

d) Hỗ trợ mua quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân hoặc thôi giữ chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, nghỉ hưu, chuyển công tác khác.

đ) Một số đối tượng chính sách, xã hội cần thiết khác, do lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.

3. Căn cứ định mức chi và đối tượng chi công tác xã hội được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 19. Khoản chi hỗ trợ đại biểu hoạt động theo chức danh Hội đồng nhân dân**

#### 1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

#### 2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

#### 3. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.600.000 đồng/người/tháng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

#### 4. Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.400.000 đồng/người/tháng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

#### 5. Ủy viên Ban Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng (Sáu trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể,



không quá mức chi cấp tỉnh.

6. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng (Sáu trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

7. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân giữ nhiều chức danh chỉ được hưởng mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

**Điều 20. Hỗ trợ hoạt động phí của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Cấp tỉnh: 200.000/người/tháng (Hai trăm nghìn đồng);

2. Cấp huyện: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

**Điều 21. Hỗ trợ phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân**

1. Hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn, Thường trực, các Ban và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: Mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ khả năng cân đối ngân sách, quyết định mức chi cụ thể cho cấp mình.

2. Hỗ trợ chi soạn thảo các văn bản phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân, ngoài các loại văn bản đã được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Quy định này

a) Định mức chi soạn thảo văn bản

Cấp tỉnh: Không quá 3.000.000 đồng/văn bản (Ba triệu đồng);

Cấp huyện, cấp xã: Giao Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể, không quá mức chi cấp tỉnh.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định danh mục văn bản và mức chi cụ thể từng loại văn bản của cấp mình./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/BC-HĐND

Cà Mau, ngày 14 tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của UBND tỉnh đối với  
dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo  
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ngày 02/6/2022, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có Công văn số 108/HDND-KTNS gửi UBND tỉnh xin ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Ngày 10/6/2022, UBND tỉnh có Công văn số 3555/UBND-KT, đóng góp 02 ý kiến đối với dự thảo nghị quyết nêu trên.

Qua ý kiến đóng góp của UBND tỉnh, sau khi trao đổi, lãnh đạo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình, cụ thể như sau:

1. Về tên Nghị quyết cần bổ sung cụm từ “Ban hành” trước cụm từ “Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau”

*\* Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Xin tiếp thu ý kiến đóng góp.*

2. Căn cứ khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định:

*“2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.*

*Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

Theo nội dung quy định nêu trên không quy định đại biểu HĐND được cấp kinh phí cho hoạt động cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác. Đồng thời tại dự thảo Nghị quyết đã quy định mức hỗ trợ đại biểu nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp bằng mức chi cụ thể cho người/tháng. Vì vậy, đối với nội dung chi tại khoản 1, Điều 13 của dự thảo Nghị quyết đề nghị HĐND tỉnh cần xem xét, tránh trùng lặp.

\* *Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách*: Tại khoản 1, Điều 13 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: Hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí cho đại biểu HĐND.

Trong thời gian qua, do tính chất hoạt động của HĐND tại các kỳ họp, thẩm tra, thảo luận Tổ trước kỳ họp HĐND; các phiên họp giải trình; các cuộc giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri... thì Văn phòng phục vụ phải photo cung cấp rất nhiều văn bản giấy, tài liệu có liên quan cho đại biểu; gây lãng phí, mất thời gian và hiệu quả không cao. Trong khi đó, phần nhiều đại biểu HĐND hiện nay đã được trang bị hoặc có máy tính bảng, máy tính xách tay, điện thoại thông minh để truy cập, tra cứu văn bản, tài liệu trên Trang thông tin điện tử do Văn phòng phục vụ đăng tải, nên rất thuận tiện và nhanh chóng.

Mặt khác, theo quy định, đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, tuy nhiên, hiện nay, do sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin, tình hình tin tức, thông tin luôn được cập nhật liên tục, nên việc cung cấp báo in cho đại biểu sẽ làm mất nhiều thời gian, không kịp thời, lãng phí và không phù hợp với tình hình thực tế.

Do đó, Ban thống nhất với Tổ soạn thảo là đề xuất hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí dưới hình thức khoán hàng tháng để tạo sự chủ động, thuận tiện hơn cho đại biểu HĐND trong việc truy cập, tra cứu tài liệu, thông tin phục vụ các hoạt động của HĐND.

Ngoài ra, việc hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác được quy định tại khoản 2, Điều 4; còn việc hỗ trợ đại biểu nghiên cứu được quy định tại khoản 3, Điều 4; đây là 02 nội dung hỗ trợ khác nhau được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13, nên không có sự trùng lặp giữa 02 nội dung chi.

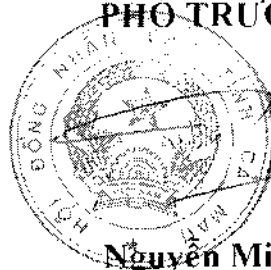
Từ những lý do giải trình nêu trên, Ban Kinh tế - Ngân sách xin giữ nguyên nội dung đề xuất về hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí cho đại biểu HĐND tại khoản 1, Điều 13 của Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của UBND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CT, HĐND;
- Lưu: VT, Hn.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Minh Dương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3555/UBND-KT

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2022

V/v ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

**HÒA TỐC**

Kính gửi: Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 108/HĐND-KTNS ngày 02/6/2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xin ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của HĐND tỉnh các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Tư pháp tại Công văn số 1144/STP-XDKT&TDTHPL ngày 09/6/2022; Sở Tài chính tại Công văn số 1913/STC-HCSN ngày 10/6/2022, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản nghiên cứu nội dung đề xuất của Sở Tư pháp tại Công văn số 1144/STP-XDKT&TDTHPL ngày 09/6/2022. Ngoài ra, để đảm bảo không trùng lặp nhiệm vụ chi theo quy định, đề nghị nghiên cứu ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1722/STC-HCSN ngày 26/5/2022 và Công văn số 1913/STC-HCSN ngày 10/6/2022.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, hoàn chỉnh (gửi kèm theo các Công văn số: 1144/STP-XDKT&TDTHPL ngày 09/6/2022 của Sở Tư pháp; 1722/STC-HCSN ngày 26/5/2022 và 1913/STC-HCSN ngày 10/6/2022 của Sở Tài chính)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Sở Tài chính (iO);
- Lưu: VT, KT (Ph.146)(01b), Ktr1063/6.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**

UBND TỈNH CÀ MAU  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1913/STC-HCSN

V/v lấy ý kiến đóng góp về  
dự thảo Nghị quyết của Hội  
đồng nhân dân tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3457/UBND-KT ngày 07/6/2022 về việc tham mưu có ý kiến đóng góp đối với yêu cầu của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu nội dung Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau và ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 1144/STP-XDKT&TDTHPL ngày 09/6/2022), **Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:**

1. Về tên Nghị quyết cần bổ sung cụm từ “Ban hành” trước cụm từ “Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

2. Đối với các mức chi quy định tại dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đã có ý kiến tại Công văn số 1722/STC-HCSN ngày 26/5/2022. Ngoài ra, Sở Tài chính có ý kiến bổ sung như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định:

*“2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp báo chí của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.*

*Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

Theo nội dung quy định nêu trên không quy định Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp kinh phí cho hoạt động cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác. Đồng thời tại dự thảo Nghị quyết đã quy định mức hỗ trợ đại biểu nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp bằng mức chi cụ thể cho người/tháng. Vì vậy, đối với nội dung chi tại khoản 1 Điều 13 của dự thảo Nghị quyết đề nghị HĐND tỉnh cân xem xét, tránh trùng lặp.

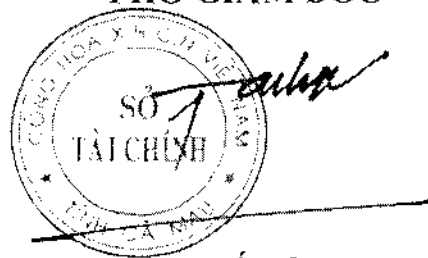
Đối với các nội dung còn lại trong dự thảo, Sở Tài chính thống nhất với cơ quan soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, HCSN<sub>(MD)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mã Tấn Cọp**

UBND TỈNH CÀ MAU  
**SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1144/STP-XDKT&TDTHPL  
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định  
một số chế độ, mức chi đảm bảo  
hoạt động của HĐND các cấp  
trên địa bàn tỉnh

Cà Mau, ngày 09 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Tài chính.

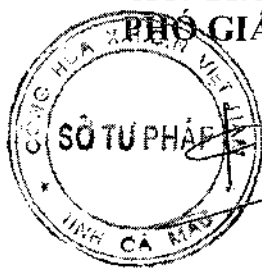
Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1870/STC-HCSN ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc lấy ý kiến đóng góp về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Tư pháp thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết này. Tuy nhiên, về tên Nghị quyết cần bổ sung cụm từ “Ban hành” trước cụm từ “Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau” cho chặt chẽ.

Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD Sở (b/c);
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Quốc Sử**

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2022

**DỰ THẢO LẦN 3**

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo  
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.



**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hướng dẫn lập và phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Hải**

## QUY ĐỊNH

**Một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động  
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp huyện); Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Hội đồng nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào thì ngân sách cấp đó chi, theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Hàng năm, căn cứ chế độ, định mức chi theo Nghị quyết này, cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân các cấp lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí với ngân sách cùng cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng chế độ, định mức, đối tượng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Hội đồng nhân dân đã được cơ quan phục vụ Hội đồng nhân dân cấp triệu tập chi theo quy định này thì không được thanh toán các khoản chi cùng nội dung nêu trên tại cơ quan, đơn vị công tác.

4. Các chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động Hội đồng nhân dân không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Các khoản chi chưa quy định chi tiết và theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào dự toán ngân

sách được giao và điều kiện thực tế, tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân ở địa phương để quy định cụ thể.

6. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

## **Chương II**

### **CÁC CHẾ ĐỘ, MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

#### **Điều 4. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân**

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

#### **Điều 5. Chi hoạt động giám sát (giám sát chuyên đề, khảo sát)**

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức làm việc với đoàn giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh): 3.000.000 đồng/đơn vị (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện (trừ các phòng, ban, ngành cấp huyện): 2.000.000 đồng/đơn vị (Hai triệu đồng);

c) Cấp xã (trừ các cơ quan, đơn vị cấp xã): 1.000.000 đồng/đơn vị (Một triệu đồng).

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện

Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi nghìn đồng).

c) Cấp xã

Đại biểu: 80.000 đồng/người/buổi (Tám mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi (Sáu mươi nghìn đồng).

3. Căn cứ vào mức chi tại khoản 2 Điều này, đại biểu là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát được tăng thêm 50% mức chi tương ứng. Trưởng

hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

4. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng).

5. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);

c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng).

#### **Điều 6. Chi hoạt động thẩm tra**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động thẩm tra

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện

Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi nghìn đồng).

c) Cấp xã

Đại biểu: 80.000 đồng/người/buổi (Tám mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi (Sáu mươi nghìn đồng).

2. Căn cứ vào mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ trì hội nghị được tăng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

3. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra từng dự thảo nghị quyết

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản (Ba trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng).

#### **Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ cho đơn vị tổ chức tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh (trừ các sở, ban, ngành cấp tỉnh): 3.000.000 đồng/đơn vị (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện (trừ các phòng, ban, ngành cấp huyện): 2.000.000 đồng/đơn vị (Hai triệu đồng);

c) Cấp xã (trừ các cơ quan, đơn vị cấp xã): 1.000.000 đồng/đơn vị (Một triệu đồng).

d) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm thì Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp cao nhất chỉ hỗ trợ cho đơn vị tổ chức tiếp xúc cử tri theo mức chi quy định của cấp mình; các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại không phải chi hỗ trợ tại điểm đó. Trường hợp đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cùng tiếp xúc cử tri chung một điểm, mức chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri theo quy định của Đoàn Đại biểu Quốc hội.

2. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện

Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi nghìn đồng).

c) Cấp xã

Đại biểu: 80.000 đồng/người/buổi (Tám mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi (Sáu mươi nghìn đồng).

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri của từng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản (Ba trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản (Một trăm nghìn đồng).

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp chung ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);
- b) Cấp huyện: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng).

#### **Điều 8. Chi hoạt động tiếp công dân**

1. Chi cho cá nhân thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân (gồm: đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ sở, ban, ngành được trưng tập và công chức phục vụ)

Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về nội dung, mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chi xây dựng văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên giải quyết

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng).

#### **Điều 9. Chi các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, thảo luận Tổ đại biểu trước Kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện

Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi nghìn đồng).

c) Cấp xã

Đại biểu: 80.000 đồng/người/buổi (Tám mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi (Sáu mươi nghìn đồng).

2. Căn cứ vào mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ tọa kỳ họp, Chủ trì phiên thảo luận Tổ được tăng thêm 100% mức chi tương ứng và Thư ký được tăng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng đối tượng.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi đối với các đơn vị phối hợp tổ chức, phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân của cấp mình.

4. Chi xây dựng biên bản thảo luận của từng Tổ đại biểu

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản (Ba trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản (Hai trăm nghìn đồng).

5. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ đại biểu trình kỳ họp Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);

b) Cấp huyện: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản (Năm trăm nghìn đồng).

6. Chi xây dựng báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện: 1000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng);

c) Cấp xã: 700.000 đồng/văn bản (Bảy trăm nghìn đồng).

**Điều 10. Chi các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Chi cá nhân tham dự, phục vụ các cuộc hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh

Đại biểu: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng).

b) Cấp huyện

Đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi nghìn đồng).

c) Cấp xã

Đại biểu: 80.000 đồng/người/buổi (Tám mươi nghìn đồng);

Thành phần tham dự, công chức và người lao động phục vụ: 60.000 đồng/người/buổi (Sáu mươi nghìn đồng).

2. Căn cứ vào mức chi tại khoản 1 Điều này, đại biểu là Chủ trì được tăng thêm 50% mức chi tương ứng. Trường hợp thời gian làm việc vào ngày nghỉ theo quy định, mức chi gấp hai lần mức chi của ngày làm việc bình thường, theo từng

đôi tượng.

**Điều 11. Chi ăn, nước uống tại các kỳ họp, hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp**

1. Mức chi đặt ăn tập trung cho cá nhân tham dự, phục vụ các kỳ họp, hội nghị, hội thảo, phiên họp, cuộc họp

- a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 75.000 đồng/người/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Cá nhân không ăn tập trung được thanh toán bằng tiền theo mức chi tiền ăn tập trung; cá nhân được bố trí ăn hoặc thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú.

3. Nước uống giữa buổi trong các kỳ họp, hội nghị, phiên họp, cuộc họp: Mức chi 20.000/người/buổi (Hai mươi nghìn đồng).

**Điều 12. Hỗ trợ công tác phí tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân**

1. Phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ

Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Khoản kinh phí sử dụng phương tiện tự túc: Đại biểu Hội đồng nhân dân ở xa, cách điểm tổ chức hoạt động của Hội đồng nhân dân từ 15 km trở lên, được khoán tiền tự túc phương tiện để thực hiện nhiệm vụ đại biểu bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác. Trường hợp Văn phòng phục vụ Hội đồng nhân dân có bố trí phương tiện chung nhưng đại biểu đi riêng thì không được khoán kinh phí sử dụng phương tiện tự túc.

**Điều 13. Hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác**

1. Hỗ trợ kinh phí khai thác tài liệu, thông tin, báo chí cho đại biểu Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng (Năm trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 250.000 đồng/người/tháng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 150.000 đồng/người/tháng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Mức chi hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách cấp đó.

**Điều 14. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức và người lao động Văn phòng**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, với mức hỗ trợ



- a) Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/người/năm (Bốn triệu đồng);
- b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/năm (Hai triệu đồng);
- c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/năm (Một triệu đồng).

2. Trong năm, mỗi công chức, người lao động Văn phòng được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ bằng 50% so với mức hỗ trợ theo cấp tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân là nữ được hỗ trợ thêm 1.000.000/người/năm (Một triệu đồng).

### **Điều 15. Hỗ trợ may lễ phục**

1. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ may lễ phục, như sau:

- a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ (Năm triệu đồng);
- b) Cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ (Bốn triệu đồng);
- c) Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ (Ba triệu đồng).

2. Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mỗi công chức, người lao động Văn phòng được hỗ trợ may lễ phục bằng 50% so với mức hỗ trợ theo cấp tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 16. Hỗ trợ đại biểu nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân**

- 1. Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng (Ba trăm nghìn đồng);
- 2. Cấp huyện: 200.000 đồng/người/tháng (Hai trăm nghìn đồng);
- 3. Cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng (Một trăm nghìn đồng).

### **Điều 17. Hỗ trợ học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu**

1. Hỗ trợ kinh phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức và người lao động Văn phòng được mời đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Cấp tỉnh: Không quá 2.500.000 đồng/người/đợt (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: Không quá 1.500.000 đồng/người/đợt (Một triệu năm trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: Không quá 500.000 đồng/người/đợt (Một triệu đồng).

2. Mức chi tổ chức cho đại biểu bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập, trao đổi kinh nghiệm theo kế hoạch, đề án liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định tùy tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách cấp đó.

### **Điều 18. Chi công tác xã hội**

- 1. Định mức chi công tác xã hội

a) Cấp tỉnh: Không quá 5.000.000 đồng/tổ chức/lượt (Năm triệu đồng) và không quá 3.000.000 đồng/cá nhân/lượt (Ba triệu đồng);

b) Cấp huyện: Không quá 3.000.000 đồng/tổ chức/lượt (Ba triệu đồng) và không quá 2.000.000 đồng/cá nhân/lượt (Hai triệu đồng);

c) Cấp xã: Không quá 1.000.000 đồng/tổ chức/lượt (Một triệu đồng) và không quá 500.000 đồng/cá nhân/lượt (Năm trăm nghìn đồng).

## 2. Đối tượng chi công tác xã hội

a) Thăm các tổ chức, cơ quan, đơn vị; tổ chức xã hội từ thiện, tôn giáo, dân tộc; lực lượng vũ trang; các gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng; hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người tàn tật không nơi nương tựa; nhân dân vùng biển, đảo;... các dịp lễ, tết, ngày truyền thống, những sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương;

b) Thăm hỏi, hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng; cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tai nạn, ốm đau, các dịp lễ, tết, những sự kiện quan trọng của đất nước và địa phương;

c) Viếng lễ tang của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng; cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con của đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng.

d) Hỗ trợ mua quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, công chức, người lao động Văn phòng khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân hoặc thôi giữ chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, nghỉ hưu, chuyển công tác khác.

đ) Một số đối tượng khác.

3. Căn cứ định mức chi và đối tượng chi công tác xã hội được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi đối với từng trường hợp cụ thể.

## **Điều 19. Khoản chi hỗ trợ đại biểu hoạt động theo chức danh Hội đồng nhân dân**

1. Hỗ trợ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân theo chức danh (kể cả chức danh kiêm nhiệm)

### 1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Cấp huyện: 1.700.000 đồng/tháng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 1.200.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

### 2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng (Hai triệu đồng);

b) Cấp huyện: 1.400.000 đồng/người/tháng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng);

c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/tháng (Một triệu đồng).

## 3. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 1.600.000 đồng/người/tháng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 1.100.000 đồng/người/tháng (Một triệu một trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 700.000 đồng/người/tháng (Bảy trăm nghìn đồng).

## 4. Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 1.400.000 đồng/người/tháng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 900.000 đồng/người/tháng (Chín trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 500.000 đồng/người/tháng (Năm trăm nghìn đồng).

## 5. Ủy viên Ban Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng (Sáu trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 400.000 đồng/người/tháng (Bốn trăm nghìn đồng);
- c) Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng (Hai trăm nghìn đồng).

## 6. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng (Sáu trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 400.000 đồng/người/tháng (Bốn trăm nghìn đồng).

## 7. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng (Năm trăm nghìn đồng);
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng (Ba trăm nghìn đồng).

8. Đại biểu Hội đồng nhân dân giữ nhiều chức danh chỉ được hưởng mức hỗ trợ của chức danh cao nhất.

**Điều 20. Hỗ trợ hoạt động phí của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

- 1. Cấp tỉnh: 200.000/người/tháng (Hai trăm nghìn đồng);
- 2. Cấp huyện: 150.000/người/tháng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**Điều 21. Hỗ trợ phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân**

1. Hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân: Mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ khả năng cân đối ngân sách, quyết định mức chi cụ thể cho cấp mình.

2. Hỗ trợ chi soạn thảo các văn bản phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân, ngoài các loại văn bản đã được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Quy định này

## a) Định mức chi soạn thảo văn bản

- Cấp tỉnh: Không quá 3.000.000 đồng/văn bản (Ba triệu đồng);
- Cấp huyện: Không quá 1.500.000 đồng/văn bản (Một triệu năm trăm nghìn đồng);
- Cấp xã: Không quá 1.000.000 đồng/văn bản (Một triệu đồng).

b) Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định danh mục văn bản và mức chi cụ thể từng loại văn bản của cấp mình./.

---